TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY BẮC** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 06/7/2022
V/v "Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Minh Trung.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Đoàn Văn Vui;
2. Ông Nguyễn Văn Kim.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Nhân – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 28/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2022 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70[a]/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Phạm Đặng Vân A, sinh năm: 1995;
Địa chỉ: ấp T, xã T2, huyện B, tỉnh Bến Tre.
2. Bị đơn: anh Phạm Minh N, sinh năm: 1994;

Địa chỉ: ấp T1, xã L, huyện B, tỉnh Bến Tre.
(Chị A, anh N có yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 27 tháng 01 năm 2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Đặng Vân A trình bày:

Chị Phạm Đặng Vân A và anh Phạm Minh N tự nguyện kết hôn vào năm 2017. Chị A, anh N đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T2. Sau khi kết hôn, anh chị làm việc tại TPHCM. Đến tháng 10/2019, vợ chồng chị A về sống tại nhà mẹ chị A để chờ sinh con.

Đầu năm 2020, anh chị và hai bên gia đình xảy ra mâu thuẫn. Anh chị không sống chung với nhau nữa, chị A vẫn tiếp tục sống tại nhà mẹ chị, còn anh N chung sống

với gia đình anh. Nguyên nhân do anh N có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác bên ngoài, không có ý chí vươn lên trong cuộc sống, không phụ lo kinh tế gia đình cũng như hỗ trợ tài chính để nuôi con. Sau 02 năm ly thân, dù cố gắng hàn gắn và tạo nhiều cơ hội cho nhau nhưng tình hình của vợ chồng chị không thay đổi, quan điểm sống, lý tưởng sống, cách nuôi dạy con của anh chị không hợp nhau, cũng không thể cùng nhau tiếp tục chung sống. Chị A xác định không còn tình cảm với anh N nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh.

Về nuôi con chung: chị A, anh N có 01 con chung tên là Phạm Ngọc An D, sinh ngày 13/11/2019. Hiện nay, cháu D đang sống với chị A. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu D, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Từ trước đến nay chị là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu D và lo cho cháu chu đáo.

Về chia tài sản chung và nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị A không yêu cầu anh N cấp dưỡng cho chị sau khi ly hôn.

Do chị A bận công việc nên không đến dự các phiên họp, phiên hòa giải và phiên tòa được, chị yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt và không có khiếu nại về sau.

Tại Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 21/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, bị đơn anh Phạm Minh N trình bày:

Anh N với chị A kết hôn vào năm 2017, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T2. Hôn nhân do cả hai tự nguyện, tự tìm hiểu đến với nhau. Sau khi cưới anh chị sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do chị A không tin tưởng, ghen tuông dẫn đến mâu thuẫn; chị A muốn lên TPHCM làm việc để tạo dựng sự nghiệp riêng. Khi xảy ra mâu thuẫn anh chị đã tìm cách tháo gỡ, gia đình hai bên cũng khuyên nhủ để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả. Anh N, chị A ly thân từ tháng 8/2021 đến nay. Trong thời gian ly thân, thời gian đầu vẫn còn quan tâm đến nhau, đến thời gian gần đây khi chị A nộp đơn xin ly hôn đến Tòa án, anh chị không thể nói chuyện được nữa; cả hai không còn quan tâm đến nhau, mạnh ai người nấy sống không ai bết đến ai, anh N điện thoại hỏi thăm nhưng chị A ít khi nghe máy. Đến nay, anh N vẫn còn tình cảm với chị A nên không đồng ý ly hôn. Theo anh N, hôn nhân của anh chị không thể hàn gắn, níu kéo được nữa. Anh không đồng ý ly hôn nhưng cũng không thay đổi được ý định của chị A nên anh không đến Tòa án theo thông báo, do chị A quyết định.

Về con chung: anh chị có 01 con chung là Phạm Ngọc An D, sinh ngày 13/11/2019. Khi ly hôn, anh N đồng ý cho chị Anh được tiếp tục nuôi cháu D, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung và nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh N không yêu cầu chị A cấp dưỡng cho anh sau khi ly hôn.

Anh N yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt và không có khiếu nại về sau.

Tại bản tự khai ngày 29/4/2022, chị A vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc đề nghị:

Về thủ tục thụ lý cũng như quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng quy định và tại phiên toà Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng đã đảm bảo đúng trình tự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Đặng Vân A.

Về con chung: Phạm Ngọc An D, sinh ngày 13/11/2019, sau khi ly hôn chị A trực tiếp nuôi con chung; anh N không cấp dưỡng do chị A không yêu cầu.

Về tài sản chung và nợ chung: không có nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Ngày 27/01/2022, chị Phạm Đặng Vân A khởi kiện tại Toà án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Minh N. Căn cứ theo yêu cầu khởi kiện, vụ án có quan hệ pháp luật tranh chấp về việc "Ly hôn" quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình. Vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị A và bị đơn anh N có yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị A, anh N là phù hợp với quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Đối với yêu cầu ly hôn của chị A:*

Chị A, anh N tự nguyện kết hôn vào năm 2017 và đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã T2, anh chị được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 28/8/2017. Chứng cứ này là có cơ sở nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Sau khi cưới, vợ chồng chị sống hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, theo chị A, do anh N có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác bên ngoài, không có ý chí vươn lên trong cuộc sống, không phụ lo kinh tế gia đình cũng như hỗ trợ tài chính để nuôi con. Còn theo anh N, do chị A không tin tưởng anh, ghen tuông dẫn đến mâu thuẫn; chị A muốn lên TPHCM làm việc để tạo dựng sự nghiệp riêng. Vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Khi xảy ra mâu thuẫn, anh chị đã tìm cách tháo gỡ. Gia đình hai bên biết anh chị bất hòa cũng đã khuyên nhủ, hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả. Theo chị A từ năm 2020; còn theo anh N từ tháng 8/2021, chị A, anh N ly thân

đến nay. Trong thời gian ly thân, cả hai sống mỗi người một nơi, không còn quan tâm đến nhau, mạnh ai người nấy sống, tình hình sức khỏe, cuộc sống, sinh hoạt của nhau không ai biết đến ai. Chị A xác định không còn tình cảm với anh N nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh. Đối với yêu cầu xin ly hôn của chị A, anh N không đồng ý vì còn tình cảm với chị A. Tuy nhiên, theo anh N, hôn nhân của anh chị không thể hàn gắn, níu kéo được nữa. Anh không đồng ý ly hôn nhưng cũng không thay đổi được ý định xin ly hôn của chị A, do chị A tự quyết định. Điều này có cơ sở khẳng định, tình trạng của vợ chồng chị A đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận yêu cầu của chị A là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về nuôi con chung: anh N, chị A có 01 con chung là Phạm Ngọc An D, sinh ngày 13/11/2019. Khi ly hôn, chị A yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu D. Đối với yêu cầu này của chị A, anh N đồng ý nên ghi nhận. Cần giao cháu D cho chị A tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình. Tuy nhiên, vì lợi ích của con chung sau này, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con.

[4] Về cấp dưỡng: chị A không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con nên ghi nhận. Vì lợi ích của con chung sau này, khi cần thiết chị A có quyền yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về chia tài sản chung và nợ chung: chị A, anh N đều xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị A, anh N không yêu cầu cấp dưỡng cho nhau sau khi ly hôn.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc là có căn cứ nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: chị A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng là phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Đặng Vân A xin ly hôn đối với anh Phạm Minh N;

* Về hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Phạm Đặng Vân A với anh Phạm Minh N.

* Về nuôi con chung: giao con chung là Phạm Ngọc An D, sinh ngày 13/11/2019 cho chị Phạm Đặng Vân A trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận chị Phạm Đặng Vân A không yêu cầu anh Phạm Minh N cấp dưỡng nuôi con.

Anh Phạm Minh N được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai có quyền cản trở. Vì lợi ích của con chung sau này, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

* Về chia tài sản chung và nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Phạm Đặng Vân A và anh Phạm Minh N không yêu cầu cấp dưỡng cho nhau sau khi ly hôn.

2. Về án phí: chị Phạm Đặng Vân A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0004903 ngày 27/01/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bến Tre.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Mỏ Cày Bắc;
- UBND xã T2;
- Chi cục THADS huyện B;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Lê Thị Minh Trung